

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định nội dung chi bảo đảm trật tự an toàn giao thông  
của huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG  
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ MƯỜI MỘT**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-BTC ngày 02/01/2018 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí bảo đảm trật tự an toàn giao thông;*

*Xét Tờ trình số 159/TTr-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang dự thảo nghị quyết quy định nội dung chi bảo đảm trật tự an toàn giao thông của huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Báo cáo thẩm tra số 139/BC-HĐND ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của Đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định nội dung chi bảo đảm trật tự an toàn giao thông của huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

**2. Đối tượng áp dụng**

Ban An toàn giao thông cấp huyện, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng kinh phí bảo đảm trật tự an toàn giao thông.

**Điều 2. Nội dung và mức chi**

1. Chi tuyên truyền, phổ biến pháp luật an toàn giao thông: Thực hiện theo Nghị quyết số 70/2014/NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang về quy định mức chi cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

2. Chi công tác phí, hội nghị triển khai thực hiện nhiệm vụ, hội nghị sơ kết, tổng kết về công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông: Thực hiện theo Nghị quyết số 90/2017/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

3. Chi tập huấn triển khai nhiệm vụ, tập huấn nghiệp vụ về trật tự an toàn giao thông: Thực hiện theo Nghị quyết số 88/2014/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang về quy định chế độ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và thu hút nguồn nhân lực tỉnh Kiên Giang; Nghị quyết số 90/2017/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang.

4. Chi tiền lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ trực tiếp phục vụ công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông: Thực hiện theo Thông tư liên tịch số 08/2005/TTLT-BNV-BTC ngày 05 tháng 01 năm 2005 của Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ đối với cán bộ, công chức, viên chức.

5. Chi mua sắm trang thiết bị, phương tiện phục vụ cho công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông; chi khắc phục sự cố an toàn giao thông; chống ùn tắc giao thông: Thực hiện theo Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc thiết bị.

6. Chi khen thưởng cho tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông: Thực hiện theo Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng.

7. Chi thực hiện quá trình điều tra, thống kê, phân tích số liệu; xây dựng, duy trì và cập nhật cơ sở dữ liệu phục vụ công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông: Thực hiện theo Nghị quyết số 163/2018/NQ-HĐND ngày 24 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang quy định nội dung, mức chi thực hiện các cuộc điều tra thống kê trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

8. Chi xăng dầu, sửa chữa trang thiết bị, phương tiện phục vụ cho công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông; chi công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc phối hợp hoạt động trong lĩnh vực bảo đảm trật tự an toàn giao thông, công tác cứu hộ, cứu nạn, khắc phục hậu quả do tai nạn giao thông gây ra: Căn cứ vào tình hình thực tế và khả năng kinh phí được cấp có thẩm quyền phân bổ hàng năm, thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao quyết định các khoản

chi phí thực tế nêu trên khi thanh toán phải có đầy đủ chứng từ, hóa đơn theo quy định.

9. Chi xây dựng kế hoạch và biện pháp phối hợp các ban, ngành và chính quyền các cấp (bao gồm cả cấp xã); Chi xây dựng các chương trình, đề án về bảo đảm trật tự an toàn giao thông, nhân rộng các mô hình điển về bảo đảm trật tự an toàn giao thông; Căn cứ vào tình hình thực tế và khả năng kinh phí được cấp có thẩm quyền phân bổ hàng năm, thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao quyết định các khoản chi phí thực tế nêu trên khi thanh toán phải có đầy đủ chứng từ, hóa đơn theo quy định.

10. Chi thăm hỏi, hỗ trợ nạn nhân tai nạn giao thông, gia đình nạn nhân bị chết:

a) Trong các vụ tai nạn giao thông đặc biệt nghiêm trọng: Chi hỗ trợ không quá 05 triệu đồng/người bị tử vong; không quá 02 triệu đồng/người bị thương nặng;

b) Trong dịp tết Nguyên đán, “Ngày Thế giới tưởng niệm các nạn nhân tử vong do tai nạn giao thông”: Chi thăm hỏi không quá 02 triệu đồng/người đối với nạn nhân bị thương nặng, gia đình nạn nhân bị chết do tai nạn giao thông có hoàn cảnh khó khăn.

11. Mức chi bồi dưỡng cho cán bộ, chiến sỹ trực tiếp tham gia bảo đảm trật tự an toàn giao thông ban đêm (bao gồm cả lực lượng cảnh sát khác tham gia trực tiếp cho nhiệm vụ bảo đảm trật tự an toàn giao thông theo quy định tại Nghị định số 27/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ quy định việc huy động các lực lượng cảnh sát khác và công an xã phối hợp với cảnh sát giao thông đường bộ tham gia tuần tra, kiểm soát trật tự, an toàn giao thông đường bộ trong trường hợp cần thiết): Tối đa 100.000 đồng/người/ca (01 ca từ đủ 04 giờ trở lên).

12. Chi thực hiện các nhiệm vụ khác phục vụ trực tiếp công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông: Thực tế phát sinh và được cấp có thẩm quyền quyết định trên cơ sở khả năng kinh phí bảo đảm trật tự an toàn giao thông được bố trí hàng năm.

### **Điều 3. Tổ chức thực hiện**

1. Hội đồng nhân dân giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Các nội dung còn lại được thực hiện theo Thông tư số 01/2018/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2018 của Bộ Tài chính.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện nghị quyết này.

4. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang Khóa IX, Kỳ họp thứ mười một thông qua ngày 07 tháng 12 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày 24 tháng 12 năm 2018.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ VN tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND cấp huyện;
- Ủy ban nhân dân cấp huyện;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Lãnh đạo VP, các phòng và chuyên viên;
- Lưu: VT, PTH, ddqnhut.

**CHỦ TỊCH**



**Đặng Tuyết Em**